

Bản án số: 428/2023/HS-PT
Ngày 30 tháng 6 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 581/2022/TLPT-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Trung Chánh và các bị cáo khác do các bị cáo kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Trung Chánh, sinh ngày 12/7/1966 tại thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Ấp Xóm Lớn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Trung tâm Khuyến ngư tỉnh Cà Mau; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Truyền và bà Bùi Kim Tuyết; Có vợ tên là Tô Cẩm Tú và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giam từ 24/12/2010 đến ngày 20/01/2012 tại ngoại đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Thị Bút, sinh ngày 20/12/1968 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: đường Mạc Đĩnh Chi, Khóm 5, Phường 5, thành phố Cà Mau; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp Trung tâm Khuyến Ngư tỉnh Cà Mau; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính:

Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Xuân Bào và bà Lê Thị Chính (chết); Có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị cáo tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Quốc Tuấn, sinh ngày 12/6/1978 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Số 22/7 đường Lý Văn Lâm, Khóm 4 (nay là Khóm 3), Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Trưởng phòng Khuyến ngư, Trung tâm Khuyến Ngư tỉnh Cà Mau; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Phương Nam và bà Trần Mỹ Ánh; Có vợ tên là Trịnh Thúy Lam, có 01 con, sinh ngày 22/7/2022; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị cáo tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

4. Hà Phú Lợi, sinh ngày 06/12/1973 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Số 266, Quốc lộ 1A, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Ban Quản lý Chương trình FSPS II Cà Mau; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn Năm (chết) và bà Võ Thị Út (chết); Có vợ tên là Lê Nguyễn An Thái và 02 con; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị cáo tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

5. Huỳnh Trúc Đường, sinh năm 1959 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Số 64 đường Nguyễn Ngọc Sanh, Khóm 7, Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Số 52/4 Lý Thái Tôn, Khóm 2, Phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Trung tâm Khuyến Ngư tỉnh Cà Mau; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Hiền và bà Tiết Thị Chính; Có vợ tên là Trần Thị Ly và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị cáo tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

- Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung Chánh:

+ Luật sư Cao Quốc Tuấn, Giám đốc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thiên Đức thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau - Có văn bản xin vắng mặt;

+ Luật sư Trần Thị Thúy Hằng, Văn phòng luật sư Thanh Tuyền thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (bào chữa chỉ định) - Có mặt;

- Bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Bút:

+ Luật sư Nguyễn Minh Tâm, Văn phòng luật sư Chánh Tâm thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long - Có văn bản xin vắng mặt;

+ Luật sư Lê Ngô Phương Thanh, Văn phòng luật sư Thanh Tuyền thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (bào chữa chỉ định) - Có mặt;

Người tham gia tố tụng khác:

- *Người giám định:* Ông Văn Phú Nhuận – Giám định viên thuộc Sở Tài chính tỉnh Cà Mau - Có mặt;

- *Điều tra viên:* Ông Huỳnh Lê Khánh – Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau - Có mặt;

Ngoài ra còn có 03 bị án: Nguyễn Thanh Quyền, Hồ Quang Nhứt, Thái Quốc Đại, người bị hại (Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau) và 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ban Quản lý Chương trình hỗ trợ ngành thủy sản giai đoạn II tỉnh Cà Mau (sau đây viết tắt là Ban Quản lý) được thành lập theo Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 09/5/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, do ông Nguyễn Thông Nhận (Phó Giám đốc Sở Thủy sản tỉnh) làm Giám đốc và ông Nguyễn Hoàng An (Phó Chi cục Trưởng Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản) làm Phó Giám đốc Ban Quản lý. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 16/6/2006 thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình hỗ trợ ngành thủy sản giai đoạn II tỉnh Cà Mau (sau đây viết tắt là Ban Chỉ đạo) do ông Phạm Thành Tươi (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) làm Trưởng Ban và ông Nguyễn Thông Nhận làm Phó Trưởng Ban Chỉ đạo. Ban Quản lý có chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch của chương trình đã được phê duyệt theo đúng các trình tự, thủ tục quy định tại văn kiện chương trình và các quy chế làm việc có liên quan;

- Xây dựng kế hoạch công tác và kế hoạch ngân sách hàng quý, hàng năm để trình Ban Quản lý các hợp phần thống nhất trước khi trình lãnh đạo cấp tỉnh, để Ban Chỉ đạo quốc gia phê duyệt;

- Báo cáo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về các kế hoạch và dự toán ngân sách đã được Ban Chỉ đạo quốc gia phê duyệt để phân bổ ngân sách cho việc thực hiện;

- Quản lý tất cả các hoạt động và ngân sách cho hoạt động đó của Chương trình trong tỉnh, đảm bảo sử dụng có hiệu quả các đầu vào để đạt được mục tiêu và kết quả của Chương trình;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế liên quan đến việc quản lý nhân viên, tài sản, tài chính của Chương trình, đảm bảo đúng theo chính sách của Chính phủ hai nước, văn kiện Chương trình và hiệp định song phương;

- Xây dựng các mối quan hệ làm việc chặt chẽ và hợp tác có hiệu quả với Ban Quản lý các hợp phần, các chuyên gia tư vấn trong nước;

- Báo cáo Ban Chỉ đạo quốc gia và Ban Quản lý các hợp phần về tiến độ hoàn thành, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để được giải quyết kịp thời;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chỉ đạo tỉnh giao;

- Quản lý tài khoản Chương trình FSPS II;

- Ban Quản lý Chương trình FSPS II có con dấu và tài khoản riêng;

Ngày 28/12/2006, ông Nguyễn Thông Nhận ký Quyết định số 185/QĐ-STTS thành lập Tổ Giúp việc Ban Quản lý (*sau đây viết tắt là Tổ Giúp việc*), do ông Nhận làm Tổ Trưởng, ông Nguyễn Hoàng An là Phó Tổ Trưởng, bị cáo Nguyễn Trung Chánh (Giám đốc Trung tâm Khuyến ngư tỉnh) và một số người khác làm Ủy viên.

Ban Quản lý không ban hành văn bản, nhưng có chỉ đạo, phân công cán bộ tham gia các hoạt động của Chương trình hỗ trợ ngành thủy sản giai đoạn II tỉnh Cà Mau (Viết tắt là Chương trình FSPS II). Ngày 03/01/2007, ông Nguyễn Trung Hưởng, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến ngư tỉnh ban hành Thông báo số 01/TB-KN thành lập Tổ Quản lý dự án, các Tổ viên gồm: Hoàng Thị Bút (Phó phòng Hành chính Tổng hợp của Trung tâm Khuyến ngư), Lê Quốc Tuấn (Phó phòng Khuyến ngư của Trung tâm Khuyến ngư), Đinh Bộ Lĩnh (Kế toán Trung tâm Khuyến ngư).

Ngày 12/11/2007, Ban Quản lý có Biên bản hủy hợp đồng với Công ty tư nhân Hưng Phát về việc tổ chức tập huấn tại hiện trường cho nông dân nuôi trồng thủy sản tại các huyện được lựa chọn tham gia vào Chương trình FSPS II, chuyển tất cả các chứng từ của 05 hợp đồng, gồm 25 lớp AFFS cho Trung tâm Khuyến ngư thanh toán với Ban Quản lý, biên bản có 03 bên ký gồm: ông Nhận – Giám đốc Ban Quản lý; bị cáo Chánh – Giám đốc Trung tâm Khuyến ngư và Chủ doanh nghiệp Hưng Phát (bút lục 40085, 40086, 40087);

Ngày 09/02/2009, ông Nhận ban hành Bảng phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban Quản lý, đến tháng 3/2009 thì Dự án kết thúc.

Từ năm 2006 đến tháng 6/2009, Vụ Tài chính đối ngoại thuộc Bộ Tài chính chuyển cho Sở Tài chính 10.910.820.000 đồng; Trong đó, Chính phủ Vương

quốc Đan Mạch (sau đây viết tắt là Đan Mạch) tài trợ 9.753.820.000 đồng, vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam 1.157.000.000 đồng. Nguồn kinh phí chuyển cho Chương trình FSPS II là nguồn của Đan Mạch được chuyển đến Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Bộ Tài chính ghi thu, ghi chi về cho Sở tài chính và chuyển đến tài khoản của Ban Quản lý 7.502.803.328 đồng do Nguyễn Thông Nhận làm chủ tài khoản; Trong đó, vốn của hợp phần phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững (gọi tắt là Hợp phần SUDA) viện trợ 6.685.326.328 đồng, vốn đối ứng 817.477.000 đồng.

Tháng 8/2009, Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tiến hành thanh tra, Kết luận thanh tra số 3578/KL-BNN-TTr ngày 03/11/2009 (bút lục 0330 đến 0340), kết luận: Ban Quản lý đã làm trái nguyên tắc tài chính theo quy định của pháp luật với số tiền 4.198.317.394 đồng; Trong đó: Chi phục vụ các lớp học AFFS của nông dân (có xác nhận của Ban Chỉ đạo) 1.914.291.000 đồng và gây thất thoát 2.284.026.394 đồng.

Kết luận giám định tài chính ngày 31/12/2020, kết luận: Tổng số tiền bị chiếm dụng là 3.327.469.076 đồng.

Kết quả điều tra chứng minh hành vi vi phạm như sau:

Tổng số tiền 7.502.803.328 đồng chuyển về, Ban Quản lý giao cho Hoàng Thị Bút quản lý thu – chi 5.400.693.654 đồng cho Chương trình FSPS II, nhưng không nhập vào quỹ của Trung tâm Khuyến ngư và Bút đã lập chứng từ thanh toán, được Ban Quản lý quyết toán hết 5.400.693.654 đồng; Số tiền còn tại Ban Quản lý là 2.102.109.674 đồng.

1. Kết quả điều tra đối với số tiền 2.102.109.674 đồng tại Ban Quản lý như sau:

- *Nguyễn Thông Nhận*: Năm 2007, Ban Quản lý đi tham quan học tập ở Bình Định, Nam Định, Quảng Ninh. Nhận giao cho Hà Phú Lợi lập dự trù kinh phí chuyển đi, di chuyển bằng xe ô tô thuê, nhưng thực tế sử dụng xe ô tô của Ban Quản lý để di chuyển và Lợi chi tiền xăng, phí cầu đường. Kết thúc chuyến đi, Lợi lập chứng từ thanh toán 50.530.000 đồng từ vốn dự án và đã nhận đủ. Trong đó, chi phí không thuê xe của Hợp tác xã Đại Thắng, mua hóa đơn hợp thức hóa 21.600.000 đồng, số tiền này đã chi hết cho chuyến đi.

Cùng thời điểm này, Nhận chỉ đạo cho Đặng Quang Phúc (lái xe của Ban Quản lý) lập hồ sơ không thanh toán phí kiểm định xe tại Hải Phòng, số tiền 17.376.000 đồng từ vốn đối ứng, Phúc ký phiếu chi nhưng Nhận là người nhận tiền và chiếm đoạt.

- *Hoàng Thị Bút*: Hợp đồng in ấn số 07/HD-FSPSIICM giữa Ban Quản lý với Cơ sở in ép mạ vàng Thành Lợi, in sách “*Kỹ thuật nuôi tôm quảng canh cải tiến*”, số lượng 20.000 quyển x 3.000 đồng/quyển = 60.000.000 đồng. Bút đã chi thanh toán cho Hợp đồng 48.200.000 đồng (gồm cơ sở Thành Lợi 40.000.000 đồng và tác giả biên soạn tài liệu 8.200.000 đồng) ở khoản tiền thanh toán không trong sổ tiền 5.400.693.654 đồng. Ngày 20/6/2007, Bút lại lập thủ tục tiếp tục chi trả 60.000.000 đồng cho hợp đồng trên và Bút là người nhận, chiếm đoạt 60.000.000 đồng.

- *Hà Phú Lợi*: Năm 2007-2008, Lợi được phân công tập huấn 04 lớp “*Kiểm soát môi trường dịch bệnh đầu vào trong nuôi trồng thủy sản*”, 09 lớp “*Nâng cao năng lực cho các nhà sản xuất tôm giống quy mô nhỏ*”. Lợi lập kế hoạch, dự trù kinh phí, tạm ứng kinh phí. Lợi lập hồ sơ thanh toán như sau:

+ Lớp kiểm soát môi trường dịch bệnh Đầm Dơi, thanh toán 13.735.000 đồng, nhưng thực chi 6.128.000 đồng, thanh toán không 7.607.000 đồng;

+ Lớp kiểm soát môi trường dịch bệnh U Minh, thanh toán 6.650.000 đồng, nhưng thực chi 5.366.000 đồng, thanh toán không 1.284.000 đồng;

+ Lớp kiểm soát môi trường dịch bệnh Trần Văn Thời, thanh toán 10.425.000 đồng, nhưng thực chi 2.920.000 đồng, thanh toán không 7.505.000 đồng;

+ Lớp kiểm soát môi trường dịch bệnh Phú Tân, thanh toán 8.840.000 đồng, nhưng thực chi 3.352.000 đồng, thanh toán không 5.488.000 đồng;

+ Lớp nâng cao năng lực quản lý giống Sông Đốc, thanh toán 3.435.000 đồng, nhưng thực chi 4.971.000 đồng, lấy tiền các lớp khác bù vào 1.536.000 đồng;

+ Lớp nâng cao năng lực quản lý giống Đầm Dơi (từ ngày 14 đến ngày 16/11/2007), thanh toán 7.175.000 đồng, nhưng thực chi 6.255.000 đồng, thanh toán không 920.000 đồng;

+ Lớp nâng cao năng lực quản lý giống Cái Đôi Vàm, thanh toán 4.635.000 đồng, nhưng thực chi 5.451.000 đồng, lấy tiền các lớp khác bù vào 816.000 đồng;

+ Lớp nâng cao năng lực quản lý giống Đầm Dơi (từ ngày 19 đến ngày 21/11/2007), thanh toán 5.755.000 đồng, nhưng thực chi 5.643.000 đồng, thanh toán không 112.000 đồng;

+ Lớp nâng cao năng lực quản lý giống Đàm Dơi (từ ngày 28 đến ngày 30/5/2008), thanh toán 25.689.877 đồng, nhưng thực chi 11.472.000 đồng, thanh toán không 14.217.877 đồng;

+ Lớp nâng cao năng lực quản lý giống Năm Căn (từ ngày 09 đến ngày 11/4/2008), thanh toán 15.484.000 đồng, nhưng thực chi 8.724.000 đồng, thanh toán không 6.760.000 đồng;

+ Lớp nâng cao năng lực quản lý giống Năm Căn (từ ngày 16 đến ngày 18/4/2008), thanh toán 15.572.000 đồng, nhưng thực chi 9.054.000 đồng, thanh toán không 6.518.000 đồng;

+ Lớp nâng cao năng lực quản lý giống Năm Căn (từ ngày 23 đến ngày 25/4/2008), thanh toán 17.702.000 đồng, nhưng thực chi 9.750.000 đồng, thanh toán không 7.952.000 đồng;

+ Lớp nâng cao năng lực quản lý giống Năm Căn (từ ngày 07 đến ngày 09/5/2008), thanh toán 18.034.000 đồng, nhưng thực chi 8.658.000 đồng, thanh toán không 9.376.000 đồng;

Tổng số tiền Lợi lập chứng từ được thanh toán 153.131.877 đồng, thực chi 87.744.000 đồng, thanh toán không 65.387.877 đồng. Lợi chi cho Đoàn tham quan tại Đắc Lắc 20.876.000 đồng, còn lại 44.511.877 đồng Lợi chiếm đoạt.

Như vậy, tổng số tiền thanh toán không là 164.363.877 đồng, đã chi cho 02 đợt tham quan 42.476.000 đồng, số tiền còn lại các cá nhân chiếm đoạt như sau: Nhận 17.376.000 đồng; Bút 60.000.000 đồng; Lợi 44.511.877 đồng.

2. Kết quả điều tra đối với số tiền 5.400.693.654 đồng giao cho Bút quản lý và đã được Ban Quản lý quyết toán, như sau:

Thực hiện chỉ đạo của Chánh và Nhận, Bút đã lập không, nâng không chứng từ thanh toán cho việc thực hiện chuyển đổi mục đích ngoài kế hoạch đã được duyệt (hỗ trợ mô hình), số tiền 1.988.284.000 đồng; Thanh toán chênh lệch, thanh toán không đối với việc thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt, số tiền 883.398.000 đồng, cụ thể như sau:

2.1. Đối với số tiền 1.988.284.000 đồng, Bút lập chứng từ thanh toán không:

- Lập không chi tiền ăn hỗ trợ học viên, hỗ trợ mô hình của đối với 07 lớp chuyển đổi địa điểm, số tiền 84.282.000 đồng;

- Lập không hồ sơ thanh toán 12 lớp không giảng dạy, số tiền 200.982.000 đồng;

- Lập không chi tiền ăn giữa giờ và nước uống cho học viên các lớp AFFS 2007, số tiền 432.223.000 đồng;

- Lập không công tác phí và chi phí đi lại của cán bộ tổ chức các lớp AFFS 2007, số tiền 300.000.000 đồng;

- Lập không tiền hỗ trợ đi lại cho nông dân các lớp AFFS 2007, số tiền 216.000.000 đồng;

- Lập không chi tiền ăn giữa giờ và nước uống cho học viên các lớp AFFS 2008, số tiền 754.797.000 đồng;

2.2. Đối với số tiền 883.398.000 đồng. Trong đó: Bút lập chứng từ thanh toán khổng 801.920.000 đồng; Tuần lập chứng từ thanh toán khổng 40.110.000 đồng; Đường lập chứng từ thanh toán khổng 31.072.000 đồng và Đại lập chứng từ thanh toán khổng 10.296.000 đồng. Cụ thể như sau:

- *Hoàng Thị Bút lập chứng từ thanh toán khổng các khoản:*

+ Chênh lệch công tác phí và chi phí đi lại của giảng viên các lớp AFFS năm 2007, số tiền 19.200.000 đồng;

+ Chênh lệch công tác phí và chi phí đi lại của giảng viên các lớp AFFS năm 2008, số tiền 46.350.000 đồng;

+ Chênh lệch công tác phí và chi phí đi lại của cán bộ tổ chức các lớp AFFS năm 2008, số tiền 217.600.000 đồng;

+ Chênh lệch tiền chi hỗ trợ học viên (DSA) các lớp TOT Đàm Dơi năm 2007, số tiền 48.000.000 đồng;

+ Chênh lệch tiền chi hỗ trợ học viên (DSA) các lớp TOT Cái Nước năm 2007, số tiền 60.000.000 đồng;

+ Thanh toán khổng tiền phòng nghỉ học viên các lớp TOT Đàm Dơi năm 2007, số tiền 72.000.000 đồng;

+ Thanh toán khổng tiền phòng nghỉ học viên các lớp TOT Cái Nước năm 2007, số tiền 72.000.000 đồng;

+ Thanh toán khổng khoản vẽ bản đồ quy hoạch về hiện trạng nuôi trồng thủy sản tỉnh Cà Mau, số tiền 15.000.000 đồng;

- *Hoàng Thị Bút và Lê Quốc Tuấn lập chứng từ thanh toán khổng các khoản:*

+ Chênh lệch công tác phí và phòng nghỉ của học viên các lớp TOT Đàm Dơi năm 2008, số tiền 110.290.000 đồng (Bút 101.180.000 đồng, Tuấn 9.110.000 đồng);

+ Chênh lệch công tác phí và phòng nghỉ của học viên các lớp TOT Cái Nước năm 2008, số tiền 48.910.000 đồng (Bút 43.910.000 đồng, Tuấn 5.000.000 đồng);

+ Chênh lệch công tác phí và phòng nghỉ của học viên các lớp TOT U Minh năm 2008, số tiền 132.680.000 đồng (Bút 106.680.000 đồng, Tuấn 26.000.000 đồng);

- *Huỳnh Trúc Đường lập chứng từ thanh toán khổng các khoản:*

+ Thanh toán khổng khoản xây dựng vùng nuôi an toàn xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, số tiền 14.860.000 đồng;

+ Thanh toán khổng khoản vùng nuôi an toàn xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, số tiền 15.300.000 đồng;

+ Thanh toán khổng khoản Hội thảo vùng nuôi an toàn xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, số tiền 912.000 đồng;

- *Thái Quốc Đại lập chứng từ thanh toán khổng khoản:* Lớp Kỹ năng quản lý môi trường và dịch bệnh tôm nuôi, số tiền 10.296.000 đồng.

Như vậy, trong số tiền 5.400.693.654 đồng Ban Quản lý thanh, quyết toán xong, thì số tiền nâng khổng và lập khổng là 2.871.682.000 đồng (1.988.284.000 đồng + 883.398.000 đồng). Thực tế có chi và được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đồng ý cho chuyển đổi mục đích ngoài kế hoạch, số tiền 1.616.991.000 đồng (gồm: Chi hỗ trợ mô hình các lớp AFFS, số tiền 874.215.000 đồng; 10 mô hình của Tân Trung, số tiền 41.500.000 đồng; Phát tiền cho người tham gia lớp học, số tiền 547.200.000 đồng; Văn phòng phẩm cho các lớp AFFS năm 2008, số tiền 118.150.000 đồng; Hỗ trợ Tổ hợp tác, số tiền 35.926.000 đồng), số tiền còn lại là 1.254.691.000 đồng đã chi và cá nhân chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- *Nguyễn Thông Nhận:* Từ năm 2007 đến năm 2009, Nhận chỉ đạo cho Bút chi tiếp khách, quà biếu và cá nhân của Nhận, tổng cộng 153.776.000 đồng, có căn cứ chi cho Dự án số tiền là 43.036.000 đồng, còn lại 110.740.000 đồng không có chứng từ chứng minh; Gắn Tết Nguyên đán 2008, Bút đưa cho Nhận 50.000.000 đồng để chi cho cán bộ của Bộ Thủy sản, nhưng không có tài liệu chứng minh; Gắn Tết Nguyên đán 2009, Bút đưa cho Nhận 60.000.000 đồng để chúc Tết, Nhận đưa cho Trần Thẩm Mỹ (Thủ quỹ Ban Quản lý) 16.000.000 đồng để chi Tết cho cán bộ, Nhận chiếm đoạt số tiền còn lại là 44.000.000 đồng; Ban Quản lý ký Hợp đồng in ấn số 07/FSPSIICM, nhưng giao cho Trung tâm Khuyến ngư thực hiện. Bút đã chi trả chủ cơ sở in 40.000.000 đồng (đã tính trong 319.035.000 đồng), chi cho Nguyễn Trung Hưởng tiền biên soạn tài liệu 8.200.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng thì Nhận chiếm đoạt. Lợi dụng việc in

bản đồ hiện trạng nuôi trồng thủy sản, Nhận xin của ông Nguyễn Văn Hanh đĩa CD có file tài liệu bản đồ nền của các huyện, rồi chỉnh sửa, đem đến Cửa hàng photo của doanh nghiệp tư nhân Việt Tiến – Ngọc Sương, in một số bản đồ đưa vào hồ sơ thanh toán không, rồi Nhận chỉ đạo cho Trung tâm Khuyến ngư (Hoàng Thị Bút) lập không hợp đồng, thanh lý hợp đồng, mua hóa đơn để thanh toán số tiền 15.000.000 đồng để Nhận chiếm đoạt. Tổng số tiền Bút chi cho Nhận là 288.776.000 đồng, thực tế có chi 59.036.000 đồng, Nhận chiếm đoạt 229.740.000 đồng.

- *Nguyễn Trung Chánh*: Sổ tay của Bút ghi chép thể hiện từ ngày 10/4/2008 đến ngày 05/11/2008, Bút đã chi cho Chánh tạm ứng và mượn tổng cộng 10 lần, với tổng số tiền 129.550.000 đồng. Chánh khai đã sử dụng 79.230.000 đồng vào các việc sau:

+ Ngày 11/9/2008, Chánh có Tờ trình số 39 hợp tác ương dưỡng và phân phối tôm giống (tôm thẻ chân trắng) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vân Tuy – Khánh Hòa, được Sở Thủy sản chấp thuận tại Công văn số 60 ngày 08/10/2008. Chánh chỉ đạo Nguyễn Xuân Nhựt tạm ứng từ nguồn của Trung tâm 33.000.000 đồng và mượn 7.196.000 đồng để chi phí (tàu xe, tiền ăn, trang thiết bị, dụng cụ) cho quá trình ương dưỡng 12.000.000 con Nauplius. Ngày 22/10/2008, Chánh mượn của Bút 50.000.000 đồng để chi phí và trả lại tiền tạm ứng 33.000.000 đồng + 7.196.000 đồng trên.

+ Chánh mua tôm giống của Vân Tuy bán kiểm lãi cho Công đoàn của Trung tâm. Chánh thuê nhà vẽ Nhật An vẽ khoảng 30 bảng quảng cáo treo ở các cơ sở tôm giống ở Cà Mau. Ngày 20/10/2008, Chánh mượn của Bút 25.000.000 đồng từ nguồn FSPS II để đầu tư.

+ Chánh khai mượn của Bút 15.000.000 đồng để hỗ trợ con giống cho Tổ hợp tác ấp Lung Thuộc, do họ còn nợ tiền con giống không khả năng thanh toán. Kết quả điều tra chỉ có 06/20 hộ còn nợ và được Trung tâm hỗ trợ là 4.230.000 đồng.

Ngoài ra, Bút còn xác định từ ngày 24/3/2008 đến ngày 12/5/2008, Bút đã cho Chánh mượn 04 lần để sử dụng cá nhân, với tổng số tiền 140.000.000 đồng, không có chứng từ, không biên nhận, mà chỉ ghi vào sổ tay theo dõi.

Tại Cơ quan điều tra Bộ Công an, Chánh thừa nhận có nhận tiền từ Bút và từ ngày 12/4/2010 đến ngày 12/5/2010, Chánh đã đưa cho Bút 06 lần, với tổng số tiền 140.000.000 đồng để nộp khắc phục hậu quả, nhưng sau khi vụ án được chuyển đến Cơ quan điều tra tỉnh Cà Mau thì Chánh thay đổi lời khai, rằng Chánh không có tạm ứng, mượn số tiền 140.000.000 đồng của Bút.

Năm 2007, 2008 Chánh chỉ đạo cho Bút chi quà biếu, tiếp khách tổng cộng 118.000.000 đồng, Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn buộc xuất toán.

Như vậy, tổng số tiền Bút đưa cho Chánh 269.550.000 đồng và Bút chi theo sự chỉ đạo của Chánh 118.000.000 đồng.

- *Lê Quốc Tuấn*: Năm 2008, Tuấn được phân công giảng dạy các lớp TOT ở các huyện: Đầm Dơi, Cái Nước, U Minh. Tuấn lập hồ sơ thanh toán nâng không công tác phí và phòng nghỉ của học viên để chiếm đoạt tổng số tiền là 40.110.000 đồng, cụ thể:

+ Các lớp TOT Đầm Dơi năm 2008, thanh toán số tiền 48.000.000 đồng, thực chi 38.890.000 đồng, Tuấn chiếm đoạt 9.110.000 đồng;

+ Các lớp TOT Cái Nước năm 2008, thanh toán số tiền 72.000.000 đồng, thực chi 67.000.000 đồng, Tuấn chiếm đoạt 5.000.000 đồng;

+ Các lớp TOT U Minh năm 2008, thanh toán số tiền 48.000.000 đồng, thực chi 22.000.000 đồng, Tuấn chiếm đoạt 26.000.000 đồng;

- *Huỳnh Trúc Đường*: Được phân công tổ chức các lớp: Xây dựng mô hình cho hộ nghèo năm 2008; Xây dựng vùng nuôi an toàn xã Tân Duyệt; Vùng nuôi an toàn xã Tân Duyệt (05 lớp học tại hiện trường); Hội thảo vùng nuôi an toàn xã Tân Duyệt. Qua trình thực hiện, Đường đã lập hồ sơ khống để chiếm đoạt 26.072.000 đồng, cụ thể:

+ Khoản thanh toán đối với lớp xây dựng vùng nuôi an toàn xã Tân Duyệt: Thực chi 24.400.000 đồng, nhưng lập hồ sơ thanh toán 39.260.000 đồng, thanh toán khống số tiền 14.860.000 đồng;

+ Khoản thanh toán vùng nuôi an toàn xã Tân Duyệt (05 lớp học tại hiện trường): Thực chi 101.400.000 đồng, nhưng lập hồ sơ thanh toán 116.700.000 đồng, thanh toán khống số tiền 15.300.000 đồng;

+ Khoản thanh toán Hội thảo vùng nuôi an toàn xã Tân Duyệt: Thực chi 14.160.000 đồng, nhưng lập hồ sơ thanh toán 15.072.000 đồng, thanh toán khống số tiền 912.000 đồng;

- *Thái Quốc Đại*: Tháng 3/2009, Đại tổ chức lớp học “Kỹ năng quản lý môi trường dịch bệnh và nuôi tôm”, tổng số tiền đã thanh toán là 17.296.000 đồng; Trong đó, lập chứng từ khống thanh toán khoản thuê nấu ăn, số tiền 10.296.000 đồng, nhưng đã thực chi 4.905.000 đồng (*Hỗ trợ nông dân 2.760.000 đồng, mua tập viết 720.000 đồng, photo tài liệu 525.000 đồng, nước uống 900.000 đồng*), Đại chiếm đoạt 5.391.000 đồng.

- *Nguyễn Thanh Quyền*: Ngày 07/5/2009, Quyền viết biên nhận nhận của Bút 38.000.000 đồng để phát cho học viên 05 lớp AFFS thuộc vùng nuôi an toàn xã Tân Duyệt mà Quyền và Nhứt đã dạy trước đó, theo chỉ đạo của Chánh. Quyền giao lại cho Nhứt 15.200.000 đồng, Quyền giữ lại 22.800.000 đồng và phát cho học viên 03 lớp, 380.000 đồng/người, hết 12.880.000 đồng (*Gồm: 20 người lớp tại ấp Đồng Tâm B, số tiền 7.600.000 đồng; 06 người lớp tại ấp Tân Long B, số tiền 2.280.000 đồng và gửi ông Lê Quang Bính phát hộ lớp ở ấp Tân Khánh, số tiền 3.000.000 đồng*), còn lại số tiền 9.920.000 đồng Quyền chi xài cá nhân.

- *Hồ Quang Nhứt*: Nhận 15.200.000 đồng từ Quyền, Nhứt phát tiền cho học viên 02 lớp, 150.000 đồng/người, hết 6.000.000 đồng (*Nhờ ông Phan Văn Mẫn phát hộ 20 người lớp tại ấp Tân Trung, ông Phan Minh Dương phát hộ 20 người lớp tại ấp Tân Thành*), còn lại số tiền 9.200.000 đồng Nhứt tiêu xài cá nhân.

- *Hoàng Thị Bút*: Bút không phải là Thủ quỹ hay Kế toán của Ban Quản lý và Trung tâm Khuyến ngư, nhưng được Nhận ủy quyền cho rút tiền Dự án không nhập quỹ Trung tâm Khuyến ngư, mà Bút trực tiếp quản lý. Sau đó, dựa trên dự trù do Chánh lập, đã được Nhận phê duyệt, Bút cho cán bộ Trung tâm tạm ứng khoảng 50% số tiền dự trù để thực hiện các hoạt động của Dự án và Bút cũng là người trực tiếp hướng dẫn cho các cán bộ kê không chứng từ bằng với mức quy định của dự trù, Bút là người trực tiếp quyết toán với Ban Quản lý và Bút cũng là người quản lý toàn bộ số tiền có được từ thanh toán không theo hướng dẫn của Bút. Cụ thể:

Lập không chứng từ để thanh chi chuyển đổi mục đích ngoài kế hoạch (hỗ trợ chi mô hình), số tiền là 1.988.284.000 đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý cho chuyển đổi số tiền 1.616.991.000 đồng, Bút quản lý số tiền còn lại là 371.293.000 đồng. Ngoài ra, Bút còn thực hiện việc thanh chênh lệch, thanh toán không đối với các khoản chi thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt là 801.920.000 đồng.

Tổng số tiền Bút lập không chứng từ, thanh toán chênh lệch là 1.173.213.000 đồng (*gồm số tiền 371.293.000 đồng + số tiền 801.920.000 đồng*). Trong đó, Bút đã chi cho: Nhận 288.776.000 đồng, Chánh 387.550.000 đồng, Quyền 22.800.000 đồng, Nhứt 15.200.000 đồng, chi khác 319.035.000 đồng (bút lục 21.409 đến 21.413), còn lại Bút chiếm giữ số tiền 139.852.000 đồng.

Tóm lại, trong tổng số tiền 7.502.803.328 đồng thực hiện Chương trình hỗ trợ ngành Thủy sản giai đoạn II tỉnh Cà Mau, đã bị các cá nhân lập chứng từ

không thanh toán số tiền 3.036.045.877 đồng (164.363.877 đồng + 1.988.284.000 đồng + 883.398.000 đồng), được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đồng ý 1.616.991.000 đồng và chi khác 567.332.000 đồng, số tiền còn lại 851.722.877 đồng bị các cá nhân chiếm đoạt, gồm: Nhận 247.116.000 đồng, Chánh 269.550.000 đồng, Bút 199.852.000 đồng, Lợi 44.511.877 đồng, Tuấn 40.110.000 đồng, Đường 26.072.000 đồng, Quyền 9.920.000 đồng, Nhứt 9.200.000 đồng và Đại 5.391.000 đồng.

Hiện nay, tổng số tiền sai phạm thu hồi sau thanh tra đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định xử lý sau thanh tra số 3182/QĐ-BNN-TTr ngày 03/01/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là 2.284.026.394 đồng và đã chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản của Đại sứ quán Đan Mạch tại Hà Nội (Quyết định số 252/QĐ-TTr ngày 08/4/2010 trả 1.789.693.394 đồng và Quyết định số 875/QĐ-TTr ngày 17/12/2010 trả 485.333.000 đồng).

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKS-P1 ngày 28/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đã truy tố: Nguyễn Trung Chánh, Hoàng Thị Bút về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật hình sự; Truy tố: Hà Phú Lợi, Lê Quốc Tuấn, Huỳnh Trúc Đường về tội “Tham ô tài sản” theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự và còn truy tố 03 bị cáo khác;

Đối với Nguyễn Thông Nhận đã chết và đã có quyết định đình chỉ điều tra, nên không xem xét xử lý.

Tại Kết luận Thanh tra của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xác định: Ông Nguyễn Thành Tươi (nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau) là Trưởng Ban Chỉ đạo, chủ yếu công tác đối ngoại, chỉ đạo chung nên không biết (bút lục 20.334 đến 20.336); Nguyễn Hoàng An (nguyên Phó Giám đốc Ban Quản lý), Phạm Thanh Thảo (nguyên Kế toán Ban Quản lý), Trần Thắm Mỹ (nguyên Thủ quỹ Ban Quản lý) không liên quan đến khoản tiền thất thoát. Nguyễn Ái Duyên (nguyên Kế toán Ban Quản lý) có liên quan với Đặng Quang Phúc trong việc thanh toán tiền mua vỏ xe năm 2006, số tiền 11.425.000 đồng là không đúng quy định, nhưng Duyên và Phúc không có ý thức chiếm đoạt và Duyên đã nộp khắc phục 6.000.000 đồng, Phúc nộp khắc phục 5.425.000 đồng, nên không xử lý trách nhiệm hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 14/7/2022, sửa chữa bổ sung tại Thông báo số 45/2022/TB-TA ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Trung Chánh;

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Thị Bút;

Áp dụng khoản 1 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Quốc Tuấn;

Áp dụng khoản 1 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hà Phú Lợi;

Áp dụng khoản 1 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Huỳnh Trúc Đường;

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Trung Chánh, Hoàng Thị Bút, Lê Quốc Tuấn, Hà Phú Lợi, Huỳnh Trúc Đường phạm tội “*Tham ô tài sản*”;

Tuyên phạt:

- Bị cáo Nguyễn Trung Chánh 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, được đối trừ thời hạn tạm giam từ ngày 24/12/2010 đến ngày 20/01/2012; Phạt bổ sung cấm bị cáo Nguyễn Trung Chánh đảm nhiệm chức vụ có liên quan đến quản lý kinh tế, tài chính trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù;

- Bị cáo Hoàng Thị Bút 07 (bảy) năm tù; Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án; Phạt bổ sung cấm bị cáo Hoàng Thị Bút đảm nhiệm chức vụ có liên quan đến quản lý kinh tế, tài chính trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù;

- Bị cáo Lê Quốc Tuấn 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án;

- Bị cáo Hà Phú Lợi 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án;

- Bị cáo Huỳnh Trúc Đường 01 (một) năm tù; Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án;

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Trung Chánh được nhận lại 192.000.000 đồng;
- Bị cáo Lê Quốc Tuấn được nhận lại 51.600.000 đồng;
- Bị cáo Huỳnh Trúc Đường được nhận lại 5.000.000 đồng;

Số tiền khắc phục tại giai đoạn điều tra 315.159.000 đồng, hiện đang do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công an đang quản lý 309.959.000 đồng, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau đang quản lý 5.200.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với Nguyễn Thanh Quyền, Hồ Quang Nhứt và Thái Quốc Đại; về trách nhiệm dân sự đối với Thái Quốc Đại; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/7/2022, bị cáo Nguyễn Trung Chánh có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chỉ buộc bị cáo chiếm đoạt sử dụng cá nhân 96.820.000 đồng tiền của dự án, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; không buộc tội bị cáo giúp sức cho bị cáo Bút, vì bị cáo Bút đã chi hết tiền thanh toán không, không còn tiền của dự án để chiếm đoạt; xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo về vai trò giúp sức cho ông Nhận chiếm đoạt 152.730.000 đồng (44.000.000 đồng + 108.740.000 đồng) vì ông Nhận đã nộp khắc phục hậu quả xong khoản tiền này. Đến ngày 09/8/2022, bị cáo Nguyễn Trung Chánh có văn bản thay đổi, bổ sung đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bị cáo chỉ chiếm đoạt sử dụng cá nhân 32.889.500 đồng và không thừa nhận chiếm đoạt 96.820.000 đồng, nên đề nghị chuyển sang khung hình phạt nhẹ hơn, xử phạt bị cáo bằng thời gian đã tạm giam; đồng thời ngoài số tiền bản án sơ thẩm tuyên trả cho bị cáo 192.000.000 đồng thì còn phải tiếp tục hoàn trả cho bị cáo các khoản tiền bị cáo đã nộp dư cho Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Bộ Công an. Ngày 30/12/2022, bị cáo Chánh tiếp tục có đơn bổ sung kháng cáo và trình bày bị cáo không có chiếm đoạt tiền, yêu cầu tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Ngày 28/7/2022, bị cáo Hoàng Thị Bút kháng cáo đề nghị xem xét bị cáo chỉ là người thừa hành theo chỉ đạo của ông Nhận và bị cáo Chánh; Bị cáo chi tiền cho các cán bộ đang thực thi nhiệm vụ là đúng chức trách của bị cáo, còn việc họ giữ lại tiêu xài cá nhân thì bị cáo không thể biết; Bị cáo vẫn đang giữ tiền mặt tại quỹ của Trung tâm Khuyến ngư số tiền 131.198.000 đồng và bị cáo đã nộp cho Đoàn Thanh tra vào ngày 20/10/2009 số tiền 137.000.000 đồng (trong đó có tiền cá nhân của bị cáo 5.802.000 đồng), nên bị cáo không có chiếm đoạt số tiền 131.198.000 đồng; Bị cáo đã nộp cho Thanh tra tổng cộng

534.241.000 đồng, nhưng Bản án sơ thẩm không truyền trả lại cho bị cáo số tiền sau khi khấu trừ trách nhiệm của bị cáo, còn thừa (543.241.000 đồng – 131.198.000 đồng) là 403.043.000 đồng, xin được nhận lại số tiền đã nộp thừa và xin hưởng án treo. Đến ngày 01/12/2022, bị cáo Bút có đơn xin giảm trừ khoản tiền chi cho lớp TOT Đầm Dơi năm 2007 chênh lệch không chỉ có 99.615.000 đồng, không phải là 120.000.000 đồng như Bản án sơ thẩm đã xử; khoản tiền chi cho lớp TOT Cái Nước năm 2007 chênh lệch không chỉ có 74.054.500 đồng, không phải là 132.000.000 đồng như Bản án sơ thẩm đã xử; Ngày 12/12/2022, bị cáo Bút tiếp tục có đơn đề nghị bổ sung giảm trừ số tiền chi cho cán bộ tổ chức lớp năm 2008, số tiền nâng không chỉ có 191.100.000 đồng, không phải là 217.600.000 đồng như Bản án sơ thẩm đã xử; bị cáo không giúp sức cho ông Nhận chiếm đoạt 15.000.000 đồng tiền in vẽ bản đồ.

Ngày 28/7/2022, bị cáo Lê Quốc Tuấn có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo đã nộp 132.000.000 đồng, khấu trừ trách nhiệm của bị cáo 40.110.000 đồng, xin được nhận lại số tiền còn thừa là 91.890.000 đồng.

Ngày 28/7/2022, bị cáo Hà Phú Lợi có đơn kháng cáo không đồng ý việc sử dụng chứng từ photocopy để giám định, mà yêu cầu phải sử dụng chứng từ gốc. Bị cáo xin giảm nhẹ chuyển từ hình phạt tù sang cải tạo không giam giữ; Bị cáo đã nộp 174.000.000 đồng, khấu trừ trách nhiệm của bị cáo 44.511.877 đồng, xin được nhận lại số tiền còn thừa là 129.588.123 đồng.

Ngày 28/7/2022, bị cáo Huỳnh Trúc Đường có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Theo Kết luận của Thanh tra quy kết, bị cáo đã nộp 31.072.000 đồng trước khi khởi tố vụ án, bị cáo tìm được chứng từ hợp lệ được khấu trừ 5.000.000 đồng trước khi có Kết luận điều tra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục tìm được chứng từ bị cáo chi hợp lệ là 24.976.000 đồng. Như vậy, số tiền bị cáo phải chịu trách nhiệm chỉ là 1.096.000 đồng (31.072.000 đồng – 5.000.000 đồng – 24.976.000 đồng), xin giảm hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/4/2023 và phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Nguyễn Trung Chánh yêu cầu xem xét bị cáo không phạm tội vì Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo chiếm đoạt 256.320.000 đồng gồm khoản tiền 140.000.000 đồng và khoản tiền 116.320.000 đồng bị cáo đã mượn của bị cáo Bút nhiều lần từ số tiền 5.400.693.000 đồng bị cáo Bút đã thanh toán với Ban Quản lý dự án FSPSII, nhưng khoản tiền 5.400.693.000 đồng bị cáo Bút đã chi hết cho 23 khoản chi, với số tiền 5.428.772.000 đồng, nên bị cáo Bút không còn tiền để cho bị cáo mượn 256.320.000 đồng như Bản án sơ thẩm đã quy kết. Bản Kết luận giám định tài chính ngày 31/12/2020 không toàn diện, không khách

quan, vì Cơ quan điều tra trưng cầu giám định toàn bộ số tiền thu chi tài chính từ tháng 12/2006 đến ngày 30/6/2009, giám định viên đã giám định tổng thu 10.522.242.511 đồng, nhưng chỉ giám định trên số tiền chi khoảng 5,7 tỷ đồng, còn lại khoảng 4,8 tỷ đồng thì không giám định do không thu giữ được chứng từ. Tại Bản Kết luận điều tra bổ sung số 02/KLĐT-CSĐT-PC03 ngày 22/4/2019 đã xác định điều tra viên, kiểm sát viên thụ lý vụ án tiến hành tìm kiếm toàn bộ hồ sơ vụ án, nhưng không tìm thấy hồ sơ của Thanh tra Bộ Nông nghiệp thu giữ, toàn bộ chứng từ thu, chi đã bị thất lạc, không còn bản chính. Đồng thời giám định viên cũng có nhầm lẫn, sai sót trong việc giám định như: Phiếu chi CMPKM0007 = 224.160.000 đồng không có con dấu của Ban Quản lý, không có chữ ký của người nhận tiền (bút lục số 11126); Phiếu chi số CMBN0149 = 56.800.000 đồng (bút lục số 2347), phiếu chi số CMBN0024 = 113.600.000 đồng (bút lục số 2492) đều là bản photocopy và không có chữ ký người nhận tiền; Phiếu chi số CMPCM0031 (bút lục số 11000) chỉ có 3.397.000 đồng, nhưng Bản Kết luận tài chính lại xác định số tiền của phiếu chi này là 100.397.000 đồng. Từ việc không giám định được toàn diện chứng từ thu chi, có sai sót, nhầm lẫn các số tiền trong giám định, nên Bản Kết giám định tài chính chưa chính xác, nhưng Bản án sơ thẩm căn cứ vào Bản kết luận giám định tài chính này để xét xử. Do đó, bị cáo đề nghị xem xét lại nội dung buộc tội bị cáo. Bị cáo đã nộp cho Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 129.000.000 đồng và nộp cho Cơ quan điều tra 192.000.000 đồng, tổng cộng đã nộp 321.000.000 đồng, xin trả lại cho bị cáo số tiền này.

Bị cáo Hoàng Thị Bút đề nghị xem xét giảm trừ trách nhiệm cho bị cáo tổng cộng 104.930.000 đồng, cụ thể: Theo các chứng từ Lớp TOT Đầm Dơi (bút lục 0145, 0146 và từ 14754 đến 15415) thể hiện số tiền kê không chỉ có 99.615.000 đồng, nhưng Kết luận giám định lại xác định đến 120.000.000 đồng là không đúng, bị cáo xin được giảm trừ phần chênh lệch là 20.385.000 đồng (120.000.000 đồng - 99.615.000 đồng); Lớp TOT Cái Nước (bút lục 0145, 0146 và từ 14754 đến 15415) thể hiện số tiền kê không chỉ có 74.054.500 đồng, nhưng Kết luận giám định lại xác định đến 132.000.000 đồng là không đúng, bị cáo xin được giảm trừ phần chênh lệch là 57.945.500 đồng (132.000.000 đồng - 74.054.500 đồng); Tổ chức cán bộ các lớp năm 2008 (bút lục 0147, 0148 và từ 15034 đến 15711) thể hiện số tiền kê không chỉ có 191.000.000 đồng, nhưng Kết luận giám định lại xác định đến 217.600.000 đồng là không đúng, bị cáo xin được giảm trừ phần chênh lệch là 26.600.000 đồng (217.600.000 đồng - 191.000.000 đồng); Xin xem xét bị cáo không có đồng phạm với ông Nguyễn Thông Nhận trong việc thanh toán tiền in vẽ bản đồ 15.000.000 đồng. Bị cáo đã nộp cho Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 534.241.000 đồng.

Như vậy bị cáo đã nộp thừa so với số tiền bị cáo chiếm đoạt, nên xin được nhận lại số tiền đã nộp thừa là 507.973.000 đồng (534.241.000 đồng - 131.198.000 đồng + 104.930.000 đồng). Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Quốc Tuấn yêu cầu xem xét tính hợp pháp của việc giám định trên các chứng từ photocopy mà không phải là bản gốc. Thực tế bị cáo gom nhiều học viên vào chung một phòng nghỉ, nên có đôi ra một số tiền và bị cáo cũng đã sử dụng số tiền đôi ra này để chi ăn sáng, uống nước cho học viên, nhưng bị cáo không có chứng từ chứng minh, nên bị cáo phải chấp nhận số tiền bị quy kết chiếm đoạt là 40.110.000 đồng. Bị cáo đã nộp tổng cộng là 132.000.000 đồng, gồm nộp cho Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 80.400.000 đồng và nộp cho cơ quan điều tra Bộ Công an 51.600.000 đồng. Như vậy bị cáo đã nộp thừa so với số tiền bị cáo chiếm đoạt, nên xin được nhận lại số tiền đã nộp thừa là 91.890.000 đồng (132.000.000 đồng - 40.110.000 đồng). Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, không phạt tù mà chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Hà Phú Lợi yêu cầu xem xét tính hợp pháp của việc giám định trên các chứng từ photocopy mà không phải là bản gốc. Thực tế bị cáo có chi tiếp khách nhưng vì không có chứng từ, nên bị cáo phải chấp nhận số tiền bị quy kết chiếm đoạt là 44.511.877 đồng. Bị cáo đã nộp cho Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 174.000.000 đồng. Như vậy bị cáo đã nộp thừa so với số tiền bị cáo chiếm đoạt, nên xin được nhận lại số tiền đã nộp thừa là 129.488.123 đồng (174.000.000 đồng - 44.511.877 đồng). Bị cáo có 02 bác ruột và 01 chú ruột có huân chương kháng chiến, xin được giảm nhẹ hình phạt, không phạt tù mà chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Huỳnh Trúc Đường yêu cầu xem xét tính hợp pháp của việc giám định trên các chứng từ photocopy mà không phải là bản gốc. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tìm được chứng từ bị cáo chi vào việc thanh toán công tác phí theo các công lệnh đi thực hiện các mô hình nuôi ốc len năm 2009, với tổng số tiền là 24.976.000 đồng. Như vậy, số tiền bị cáo đã chiếm đoạt chỉ có 1.096.000 đồng (31.072.000 đồng – 5.000.000 đồng – 24.976.000 đồng). Bị cáo đã nộp cho Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 31.072.000 đồng là thừa so với số tiền quy kết bị cáo chiếm đoạt, bị cáo xin được nhận lại số tiền 29.976.000 đồng.

Điều tra viên trình bày hầu hết chứng từ cung cấp cho giám định viên là chứng từ gốc, có một số chứng từ là bản photocopy nhưng có đóng dấu treo của cơ quan cung cấp chứng từ, nên các chứng từ đều hợp lệ. Các số tiền Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn kết luận và thu giữ của các bị cáo năm

2009, cũng chính là các số tiền quy kết các bị cáo chiếm đoạt trong vụ án này. Sở dĩ có chênh lệch giữa các Kết luận giám định là do trước đây chưa có hồ sơ đầy đủ, nay đã có hồ sơ đầy đủ, nên Kết luận tài chính năm 2020 là chính xác.

Giám định viên trình bày lý do không thực hiện giám định trên toàn bộ số tiền 10.910.820.000 đồng, mà chỉ giám định trên số tiền 7.502.803.328 đồng là do giám định viên chỉ nhận được từ cơ quan trung cầu giám định chứng từ của số tiền 7.502.803.328 đồng. Việc bị cáo Bút yêu cầu giảm trừ tiền và bị cáo Chánh cho rằng Kết luận giám định chưa chính xác thì cần phải kiểm tra lại các chứng từ mới có cơ sở để xác định đúng sai, nhưng phải mất nhiều thời gian vì phải kiểm tra cả ngàn bút lục. Đối với mô hình nuôi ốc len của bị cáo Đường có nằm trong dự án này, nếu chứng từ bị cáo Đường xuất trình là hợp lệ thì vẫn được khấu trừ vào trách nhiệm của bị cáo Đường. Tuy nhiên, qua kiểm tra sơ bộ các chứng từ bị cáo Đường xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm thì thấy công lệnh có đóng dấu nơi đi, đóng dấu nơi đến nhưng không ghi số tiền đề nghị thanh toán, không có chữ ký của Thủ trưởng đơn vị, Bảng kê thanh toán cho 06 người nhưng chỉ có chữ ký của bị cáo Đường, không có chữ ký của những người còn lại, chưa được Lãnh đạo đơn vị ký duyệt, nên các chứng từ này chưa đảm bảo nguyên tắc kế toán.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến việc thực hiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng được đảm bảo, các đơn kháng cáo đều hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm; Về nội dung đề nghị hủy Bản án sơ thẩm đề điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Trung Chánh, Hoàng Thị Bút, Lê Quốc Tuấn, Hà Phú Lợi, Huỳnh Trúc Đường đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Các bị cáo bị truy tố những hành vi đã thực hiện trước ngày có hiệu lực của Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng việc áp dụng Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 và áp dụng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xét xử các bị cáo là có lợi hơn cho người phạm tội so với quy định của Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, Bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 và áp dụng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xét xử các bị cáo là phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

[2] Việc xác định chính xác số tiền của từng bị cáo đã chiếm đoạt có ý nghĩa quyết định đến cấu thành tội phạm, định khung hình phạt và quyết định hình phạt đối với từng bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và luật sư bào chữa cho các bị cáo đã chỉ ra những điểm chưa rõ ràng, trùng lặp và chưa chính xác trong kết luận giám định tài chính, nhưng giám định viên không thể giải thích và kết luận ngay tại phiên tòa, mà cần phải có thời gian tiếp cận lại chứng từ thì mới có cơ sở đưa ra kết luận chính xác.

[3] Năm 2009, Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã tiến hành thanh tra và có Báo cáo kết quả thanh tra xác minh số 398/BC-TTr ngày 30/10/2009, Kết luận thanh tra số 3578/KL-BNN-TTr ngày 03/11/2009 đã quy kết trách nhiệm về số tiền đã chiếm đoạt của nhiều cá nhân (trong đó có các bị cáo) và các cá nhân đều đã nộp đầy đủ các khoản tiền mà Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã quy kết đối với từng người và Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã chuyển số tiền do các cá nhân đã nộp, trả lại cho Vương quốc Đan Mạch xong.

Tuy nhiên, số tiền mà các bị cáo đã nộp cho Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và nộp cho cơ quan điều tra nhiều hơn số tiền của mỗi bị cáo bị quy kết tham ô trong vụ án này. Cụ thể:

- Nguyễn Trung Chánh bị quy kết tham ô 256.320.000 đồng. Bị cáo đã nộp tổng cộng là 843.950.000 đồng (nộp cho Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 651.950.000 đồng và nộp cho cơ quan điều tra Bộ Công an 192.000.000 đồng). Khấu trừ hai khoản tiền thì bị cáo nộp thừa 587.630.000 đồng, nhưng Bản án sơ thẩm chỉ tuyên trả 192.000.000 đồng, còn thiếu 395.630.000 đồng.

- Hoàng Thị Bút bị quy kết tham ô 131.198.000 đồng. Bị cáo đã nộp cho Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 534.241.000 đồng. Khấu trừ hai khoản tiền thì bị cáo nộp thừa 403.043.000 đồng, nhưng Bản án sơ thẩm không tuyên trả lại.

- Hà Phú Lợi bị quy kết tham ô 44.411.877 đồng. Bị cáo đã nộp cho Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 174.651.794 đồng. Khấu trừ thì bị cáo nộp thừa 130.239.917 đồng, nhưng Bản án sơ thẩm không tuyên trả lại.

- Lê Quốc Tuấn bị quy kết tham ô 40.110.000 đồng. Bị cáo đã nộp tổng cộng là 132.000.000 đồng (nộp cho Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 80.400.000 đồng và nộp cho cơ quan điều tra Bộ Công an 51.600.000 đồng). Khấu trừ hai khoản tiền thì bị cáo nộp thừa 91.890.000 đồng, nhưng Bản án sơ thẩm chỉ tuyên trả 51.600.000 đồng, còn thiếu 40.290.000 đồng.

- Huỳnh Trúc Đường bị quy kết tham ô 26.072.000 đồng. Bị cáo đã nộp tổng cộng là 36.072.000 đồng (nộp cho Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 31.072.000 đồng và nộp cho cơ quan điều tra Bộ Công an 5.000.000 đồng). Khấu trừ hai khoản tiền thì bị cáo nộp thừa 10.000.000 đồng, nhưng Bản án sơ thẩm chỉ tuyên trả 5.000.000 đồng, còn thiếu 5.000.000 đồng.

Tất cả các bị cáo đều có kháng cáo yêu cầu được nhận lại số tiền đã nộp thừa so với số tiền từng bị cáo bị quy kết đã tham ô, chiếm đoạt.

Trang 25 của Bản án sơ thẩm nhận định: *“Đối với số tiền các bị cáo và những người liên quan đến **sai phạm** đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để bồi thường số tiền chiếm đoạt cũng như khắc phục **những sai phạm** của các bị cáo. Số tiền trên, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Thanh tra của Bộ Nông nghiệp đã chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản của Đại sứ Đan Mạch tại Hà Nội nên xem như số tiền các bị cáo chiếm đoạt đã được bồi thường và khắc phục hậu quả **những sai phạm khác** đã xong”*.

Bản án sơ thẩm không nêu rõ **những sai phạm khác** là những sai phạm gì? Không làm rõ số tiền của từng bị cáo nộp nhiều hơn số tiền mỗi bị cáo bị quy kết tham ô, chiếm đoạt thì khắc phục sai phạm khác là sai phạm gì của từng bị cáo, để từ đó buộc họ phải chịu trách nhiệm đối với sai phạm đó, mà không được hoàn trả lại tiền nộp nhiều hơn số tiền mỗi bị cáo bị quy kết tham ô trong vụ án. Trường hợp trong vụ việc này họ chỉ tham ô, chiếm đoạt đúng bằng với số tiền bị quy kết tham ô, thì họ phải được tuyên trả lại số tiền đã nộp nhiều hơn số tiền mỗi bị cáo bị quy kết tham ô, nhưng tiền họ nộp đã chuyển trả cho Đan Mạch thì cơ quan, tổ chức nào có trách nhiệm hoàn trả lại cho họ?

Về vấn đề này không rõ, nên không đủ căn cứ để xét xử phúc thẩm phần này.

[4] Do việc điều tra ở cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, nên chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, một phần lời bào chữa của các luật sư và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy một phần Bản án sơ thẩm (đối với các bị cáo có kháng cáo) và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm để điều tra, xét xử sơ thẩm lại, là phù hợp.

[5] Do Bản án sơ thẩm bị hủy, nên các bị cáo có kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm đối với các bị án: Nguyễn Thanh

Q, Hồ Quang N, Thái Quốc Đ¹ không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Trung C, Hoàng Thị B, Lê Quốc T, Hà Phú L, Huỳnh Trúc Đ.

2. Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 39/2022/HS-ST ngày 14/7/2022 và Thông báo số 45/2022/TB-TA ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đối với tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm của các bị cáo: Nguyễn Trung C, Hoàng Thị B, Lê Quốc T, Hà Phú L, Huỳnh Trúc Đ và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau để điều tra lại vụ án.

3. Các bị cáo: Nguyễn Trung C, Hoàng Thị B, Lê Quốc T, Hà Phú L, Huỳnh Trúc Đ đều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm đối với các bị án: Nguyễn Thanh Q, Hồ Quang N, Thái Quốc Đ¹ không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- (Kèm hồ sơ vụ án)
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các bị cáo tại ngoại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS, VP, NTHN (27b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công